

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Ông Nguyễn Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Trần Thanh T kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2021, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh T chỉ lo ăn chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị L đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thanh V, sinh ngày 16/8/2006 và cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 29/11/2011. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Anh T và chị L kết hôn khoảng 17 năm. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là cháu Trần Thanh V và cháu Trần Thanh T1. Vợ chồng chung sống đến nay thường hay mâu thuẫn, cãi vã. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh T đồng ý. Anh T đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh T thống nhất không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L và bị đơn anh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung: Giao cháu V và cháu T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh T và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Ngô Thị L và bị đơn anh Trần Thanh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 21 ngày 28 tháng 4 năm 2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị L và anh T đều trình bày, trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị L yêu cầu được ly hôn và anh T đồng ý. Toà án đã tiến hành triệu tập nhằm hoà giải, hàn gắn tình cảm hôn nhân cho anh chị nhưng anh T vắng mặt không lý do, sau đó anh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh T và chị L không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thanh V, sinh ngày 16/8/2006 và cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 29/11/2011. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và được anh T thống nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng, để không thay đổi môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao các cháu cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện của cả hai cháu là được sống cùng với chị L. Anh T được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị L, chị L được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh V, sinh ngày 16/8/2006 và cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 29/11/2011 cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008726 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh Trần Thanh T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm